

Số: 28/2018/QĐST-HNGĐ

Bắc Ninh, ngày 17 tháng 4 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 08/2017/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1971.

Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

Ông Nguyễn Chí Dưỡng - Luật sư Công ty luật TNHH Dân Trí, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Ninh.

Địa chỉ: 71 đường Nguyễn Gia Thiều, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1969.

Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân huyện G.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tuấn H; Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc C - Trưởng phòng Tài Nguyên và Môi Trường huyện G.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào biên ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 08/2017/TLST-HNGĐ, 09/11/2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Văn K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn K tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị T và anh K thỏa thuận chị T nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị L, sinh 29/3/2005. Trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung không đề nghị giải quyết. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung:

- Chị Nguyễn Thị T được sử dụng các tài sản:

+ $\frac{1}{2}$ thửa đất số 77, tờ bản đồ số 10, diện tích 223,3m² tại Thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh và tài sản trên thửa đất là 01 ngôi nhà cấp bốn, thửa đất có tứ cận tiếp giáp như sau: Cạnh hướng Đông giáp mương thoát nước (đường bê tông) có chiều dài 10,84m; cạnh hướng Tây giáp nhà bà Nguyễn Thị N có chiều dài 11,44m; cạnh hướng Nam giáp phần đất của anh Nguyễn Văn K có chiều dài 20,26m; cạnh hướng Bắc giáp nhà ông Đỗ Văn V có chiều dài 19,91m (có sơ đồ chi tiết kèm theo) nhưng chị T phải có nghĩa vụ trích trả phần giá trị ngôi nhà cấp IV cho anh K là 100.000.000đ.

+ Thửa đất số 200, tờ bản đồ số 02, diện tích 119m² tại Thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Chị T phải trích trả anh K giá trị thửa đất là 100.000.000đ.

- Anh Nguyễn Văn K được sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa đất số 77, tờ bản đồ số 10, có diện tích 223,3m² tại Thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh và các tài sản khác trên đất, thửa đất có tứ cận tiếp giáp như sau: Cạnh hướng Đông giáp mương thoát nước (đường bê tông) có chiều dài 10,71m; cạnh hướng Tây giáp nhà bà Nguyễn Thị N có chiều dài 11,23m; cạnh hướng Nam giáp đường bê tông chiều dài 20,61m; cạnh hướng Bắc giáp phần đất của chị Nguyễn Thị T có chiều dài 20,26m (có sơ đồ chi tiết kèm theo) và được nhận 200.000.000đ tiền trích chia chênh lệch tài sản do chị Nguyễn Thị T trích trả.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ số 10 tại Thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị T có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Về công nợ: Anh K, chị T, không đề nghị giải quyết.

- Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu 150.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm (Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001056 ngày 17/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bắc Ninh) và 29.840.000đ án phí chia tài sản chung (Xác nhận chị T đã nộp 8.948.300đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001057 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bắc Ninh).

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 11.000.000đ tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, xác nhận chị T đã nộp đủ 11.000.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- UBND xã Đại Bái;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Tính